

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012



**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Thành lập và  
Hoạt động số**

98/UBCK - GP  
10/GPDC-UBCK  
95/GPDC-UBCK

ngày 18 tháng 9 năm 2008  
ngày 27 tháng 1 năm 2011  
ngày 18 tháng 6 năm 2012

Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ủy ban Chứng khoán  
Nhà nước cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch

*(từ ngày 15 tháng 6 năm 2012)*

Ông Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

*(đến ngày 15 tháng 6 năm 2012)*

**Ban Điều hành**

Ông Nguyễn Trung Kiên

Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 4 và tầng 5, tòa nhà số 9 Tô Hiến Thành *(từ ngày 28 tháng 3 năm 2013)*  
Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội, Việt Nam

Tầng 2, tòa nhà ARTEXPORT HOUSE *(đến ngày 27 tháng 3 năm 2013)*  
2A Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 4 đến trang 35 đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Trung Kiên  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2013



**KPMG Limited**  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600  
Fax + 84 (4) 3946 1601  
Internet [www.kpmg.com.vn](http://www.kpmg.com.vn)

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi Nhà đầu tư  
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**

### **Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 5 năm 2013 được trình bày từ trang 5 đến trang 35. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

### Vấn đề cần lưu ý

Chúng tôi muốn lưu ý tới Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 27 trong báo cáo tài chính, trong đó mô tả rằng Ban Giám đốc Công ty sau khi phát hành báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 vào ngày 26 tháng 3 năm 2013 và đã được chúng tôi đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần trong báo cáo kiểm toán phát hành cùng ngày, đã quyết định sửa đổi Thuyết minh số 8 trong báo cáo tài chính đã phát hành nhằm giải thích rõ hơn thông tin đã được thuyết trình trong đó. Báo cáo tài chính đã được sửa đổi này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành lại vào ngày 10 tháng 5 năm 2013. Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với vấn đề này.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-02-320/3



Trần Đình Vinh

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2013



Nguyễn Tâm Anh

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0651/KTV

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

|                                                | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2012<br>VND'000 | 31/12/2011<br>VND'000 |
|------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                                 |            |             |                       |                       |
| <b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                      | <b>100</b> |             | <b>416.302.964</b>    | <b>322.540.260</b>    |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>177.265.997</b>    | <b>119.884.370</b>    |
| Tiền mặt                                       | 111        |             | 86.265.997            | 34.884.370            |
| Các khoản tương đương tiền                     | 112        |             | 91.000.000            | 85.000.000            |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>120</b> | <b>6</b>    | <b>66.424.048</b>     | <b>76.218.076</b>     |
| Đầu tư ngắn hạn                                | 121        |             | 83.334.498            | 118.561.224           |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn              | 129        |             | (16.910.450)          | (42.343.148)          |
| <b>III. Các khoản phải thu - ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>172.330.192</b>    | <b>126.009.386</b>    |
| Trả trước cho người bán                        | 132        |             | 88                    | 9.000                 |
| Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán       | 135        | 7           | 30.331                | 99.054                |
| Các khoản phải thu khác                        | 138        | 8           | 172.299.773           | 125.901.332           |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                | <b>150</b> |             | <b>282.727</b>        | <b>428.428</b>        |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                     | 151        |             | 166.654               | 185.826               |
| Thuế GTGT được khấu trừ                        | 152        |             | 52.407                | -                     |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước            | 154        |             | -                     | 176.836               |
| Tài sản ngắn hạn khác                          | 158        |             | 63.666                | 65.766                |
| <b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>2.504.909</b>      | <b>3.329.436</b>      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>1.714.781</b>      | <b>2.396.889</b>      |
| Tài sản cố định hữu hình                       | 221        | 9           | 1.058.564             | 1.466.612             |
| Nguyên giá                                     | 222        |             | 2.282.317             | 2.265.453             |
| Hao mòn lũy kế                                 | 223        |             | (1.223.753)           | (798.841)             |
| Tài sản cố định vô hình                        | 227        | 10          | 656.217               | 930.277               |
| Nguyên giá                                     | 228        |             | 1.340.860             | 1.340.860             |
| Hao mòn lũy kế                                 | 229        |             | (684.643)             | (410.583)             |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>790.128</b>        | <b>932.547</b>        |
| Chi phí trả trước dài hạn                      | 261        |             | 142.126               | 284.545               |
| Tiền gửi dài hạn                               | 262        |             | 508.789               | 508.789               |
| Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán                 | 263        | 11          | 139.213               | 139.213               |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                            | <b>270</b> |             | <b>418.807.873</b>    | <b>325.869.696</b>    |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

|                                          | <b>Mã<br/>số</b> | <b>Thuyết<br/>minh</b> | <b>31/12/2012<br/>VND'000</b> | <b>31/12/2011<br/>VND'000</b> |
|------------------------------------------|------------------|------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                         |                  |                        |                               |                               |
| <b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>                     | <b>300</b>       |                        | <b>13.973.689</b>             | <b>1.388.413</b>              |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                    | <b>310</b>       |                        | <b>13.973.689</b>             | <b>1.388.413</b>              |
| Phải trả người bán                       | 312              |                        | -                             | 1.348                         |
| Người mua trả tiền trước                 | 313              |                        | 290.555                       | 666.117                       |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước      | 314              | 12                     | 6.206.420                     | 288.292                       |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 320              | 13                     | 7.200.020                     | 395.950                       |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác        | 328              | 14                     | 276.694                       | 36.706                        |
| <b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                  | <b>400</b>       |                        | <b>404.834.184</b>            | <b>324.481.283</b>            |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                 | <b>410</b>       |                        | <b>404.834.184</b>            | <b>324.481.283</b>            |
| Vốn điều lệ                              | 411              | 15                     | 300.000.000                   | 300.000.000                   |
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ           | 417              |                        | 6.610.213                     | 2.592.569                     |
| Quỹ dự phòng tài chính                   | 418              |                        | 6.610.213                     | 2.592.569                     |
| Lợi nhuận chưa phân phối                 | 420              |                        | 91.613.758                    | 19.296.145                    |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>                    | <b>440</b>       |                        | <b>418.807.873</b>            | <b>325.869.696</b>            |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.*

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

|                                                                      | <b>Mã<br/>số</b> | <b>Thuyết<br/>minh</b> | <b>31/12/2012<br/>VND'000</b> | <b>31/12/2011<br/>VND'000</b> |
|----------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>                       |                  |                        |                               |                               |
| 6. Chứng khoán lưu ký                                                | 006              |                        | 315.033.010                   | 120.208.030                   |
| Trong đó:                                                            |                  |                        |                               |                               |
| 6.1 Chứng khoán giao dịch                                            | 007              |                        | 180.451.600                   | 59.490.780                    |
| 6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký                   | 008              |                        | 363.000                       | 6.067.680                     |
| 6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước               | 009              |                        | 180.088.600                   | 53.423.100                    |
| 6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch                                 | 012              |                        | 25.000                        | --                            |
| 6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước     | 014              |                        | 25.000                        | -                             |
| 6.3. Chứng khoán cầm cố                                              | 017              |                        | 132.227.710                   | 60.000.000                    |
| 6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước                  | 019              |                        | 132.227.710                   | 60.000.000                    |
| 6.5 Chứng khoán chờ thanh toán                                       | 027              |                        | 2.328.700                     | 196.500                       |
| 6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước           | 029              |                        | 2.328.700                     | 196.500                       |
| 6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay                             | 042              |                        | 132.227.710                   | 520.750                       |
| 6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước | 044              |                        | 132.227.710                   | 520.750                       |

Người lập:



Phạm Thị Vân  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

|                                                       | Mã số     | Thuyết minh | 2012<br>VND'000     | 2011<br>VND'000<br>(Phân loại lại) |
|-------------------------------------------------------|-----------|-------------|---------------------|------------------------------------|
| <b>Doanh thu</b>                                      | <b>01</b> |             | <b>119.529.519</b>  | <b>73.267.790</b>                  |
| Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán           | 01.1      |             | 232.920             | 705.446                            |
| Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán         | 01.2      | 16          | 5.717.112           | 4.223.892                          |
| Doanh thu từ hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán | 01.3      |             | 390.000             | 30.000.000                         |
| Doanh thu từ đại lý phát hành chứng khoán             | 01.4      |             | -                   | 137.000                            |
| Doanh thu từ dịch vụ tư vấn                           | 01.5      | 17          | 78.976.600          | 12.508.659                         |
| Doanh thu khác                                        | 01.9      | 18          | 34.212.887          | 25.692.793                         |
| <b>Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh</b>        | <b>10</b> |             | <b>119.529.519</b>  | <b>73.267.790</b>                  |
| <b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>                   | <b>11</b> | <b>19</b>   | <b>(8.192.550)</b>  | <b>(45.861.183)</b>                |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>                                  | <b>20</b> |             | <b>111.336.969</b>  | <b>27.406.607</b>                  |
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>                   | <b>25</b> | <b>20</b>   | <b>(6.105.472)</b>  | <b>(6.628.096)</b>                 |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>        | <b>30</b> |             | <b>105.231.497</b>  | <b>20.778.511</b>                  |
| <b>Lợi nhuận thuần khác</b>                           | <b>40</b> |             | <b>-</b>            | <b>977.616</b>                     |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                           | <b>50</b> |             | <b>105.231.497</b>  | <b>21.756.127</b>                  |
| <b>Chi phí thuế thu nhập - hiện hành</b>              | <b>51</b> | <b>21</b>   | <b>(24.878.596)</b> | <b>(315.963)</b>                   |
| <b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>                       | <b>60</b> |             | <b>80.352.901</b>   | <b>21.440.164</b>                  |

Người lập:



Phạm Thị Vân  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

|                                        | Vốn điều lệ<br>VND'000 | Quỹ<br>dự phòng<br>tài chính<br>VND'000 | Quỹ dự trữ<br>bổ sung<br>vốn góp<br>VND'000 | Lợi nhuận<br>chưa<br>phân phối<br>VND'000 | Tổng cộng<br>VND'000 |
|----------------------------------------|------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------|
| Số dư tại ngày<br>1 tháng 1 năm 2011   | 300.000.000            | 1.520.560                               | 1.520.560                                   | 18.353.245                                | 321.394.365          |
| Lỗ thuần trong năm                     | -                      | -                                       | -                                           | 21.440.164                                | 21.440.164           |
| Chuyển lợi nhuận về Ngân<br>hàng mẹ    | -                      | -                                       | -                                           | (18.353.246)                              | (18.353.246)         |
| Phân bổ vào các quỹ                    | -                      | 1.072.009                               | 1.072.009                                   | (2.144.018)                               | -                    |
| Số dư tại ngày<br>31 tháng 12 năm 2011 | 300.000.000            | 2.592.569                               | 2.592.569                                   | 19.296.145                                | 324.481.283          |
| Lợi nhuận thuần trong năm              | -                      | -                                       | -                                           | 80.352.901                                | 80.352.901           |
| Phân bổ vào các quỹ                    | -                      | 4.017.644                               | 4.017.644                                   | (8.035.288)                               | -                    |
| Số dư tại ngày<br>31 tháng 12 năm 2012 | 300.000.000            | 6.610.213                               | 6.610.213                                   | 91.613.758                                | 404.834.184          |

Người lập:



Phạm Thị Vân  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

|                                                                                  | <b>Mã<br/>số</b> | <b>Thuyết<br/>minh</b> | <b>2012<br/>VND'000</b> | <b>2011<br/>VND'000<br/>(Phân loại lại)</b> |
|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|-------------------------|---------------------------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                   |                  |                        |                         |                                             |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                                      | <b>01</b>        |                        | <b>105.231.497</b>      | <b>21.756.127</b>                           |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>                                                  |                  |                        |                         |                                             |
| Khấu hao và phân bổ                                                              | 02               |                        | 698.972                 | 901.792                                     |
| Các khoản dự phòng                                                               | 03               |                        | (13.888.642)            | 20.040.975                                  |
| Thu nhập tiền lãi từ hoạt động đầu tư                                            | 05               |                        | (24.803.598)            | (27.378.404)                                |
| Chi phí tiền lãi                                                                 | 06               |                        | 4.917.744               | -                                           |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước<br/>những thay đổi vốn lưu động</b>   |                  |                        | <b>72.155.973</b>       | <b>15.320.490</b>                           |
| Biến động chứng khoán thương mại, các<br>khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác | 09               |                        | 24.109.597              | (17.722.405)                                |
| Biến động các khoản phải trả và nợ khác                                          | 11               |                        | 6.431.203               | (39.100.633)                                |
|                                                                                  |                  |                        | <b>102.696.773</b>      | <b>(41.502.548)</b>                         |
| Tiền lãi đã trả                                                                  | 13               |                        | (4.917.744)             | -                                           |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                | 14               |                        | (18.528.515)            | -                                           |
| <b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh<br/>doanh</b>                      | <b>20</b>        |                        | <b>79.250.514</b>       | <b>(41.502.548)</b>                         |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                       |                  |                        |                         |                                             |
| Tiền chi mua tài sản cố định và<br>tài sản dài hạn khác                          | 21               |                        | (16.864)                | (962.122)                                   |
| Tiền chi cho các khoản đầu tư                                                    | 23               |                        | (335.462.222)           | -                                           |
| Tiền thu từ bán các khoản đầu tư                                                 | 24               |                        | 344.144.892             | -                                           |
| Cổ tức và lãi đã nhận được                                                       | 27               |                        | (30.534.693)            | 24.283.801                                  |
| <b>Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động đầu<br/>tư</b>                          | <b>30</b>        |                        | <b>(21.868.887)</b>     | <b>23.321.679</b>                           |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.*

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)**

|                                                     | Mã<br>số | Thuyết<br>minh | 2012<br>VND'000 | 2011<br>VND'000<br>(Phân loại lại) |
|-----------------------------------------------------|----------|----------------|-----------------|------------------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |          |                |                 |                                    |
| Chuyển lợi nhuận về Ngân hàng mẹ                    | 36       |                | -               | (18.353.246)                       |
| Tiền thuần chi cho các hoạt động tài chính          | 40       |                | -               | (18.353.246)                       |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm                     | 50       |                | 57.381.627      | (36.534.115)                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm          | 60       |                | 119.884.370     | 156.418.485                        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm         | 70       | 4              | 177.265.997     | 119.884.370                        |

Người lập:



Phạm Thị Vân  
Kế toán

Người duyệt:



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.*

## **Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 17 nhân viên (31 tháng 12 năm 2011: 15 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 162/2010/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2010, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

##### **(c) Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

##### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), làm tròn đến hàng nghìn gần nhất (“VND’000”).

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### (b) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

##### (i) Tài sản tài chính

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

## **Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

#### **(ii) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.



**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tiền mặt và tiền gửi ngân hàng của Công ty.

**(d) Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn**

**(i) Phân loại**

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

**(ii) Ghi nhận**

Công ty ghi nhận các chứng khoán kinh doanh các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào ngày công ty ký kết các hợp đồng đầu tư (kể toán theo ngày giao dịch).

**(iii) Đo lường**

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân 15 phút giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán đầu tư chưa niêm yết được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá niêm yết từ ba công ty chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư ngắn hạn như đề cập trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá của chứng khoán thương mại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**(iv) Chấm dứt ghi nhận**

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư ngắn hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền tệ từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

## **Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

#### **(e) Hợp đồng ủy thác đầu tư**

Công ty cung cấp tiền cho các bên thứ ba để thay mặt Công ty đầu tư vào các chứng khoán theo các điều khoản trong hợp đồng ủy thác đầu tư. Tài sản được mua theo các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo các chính sách kế toán về ghi nhận, phân loại và đánh giá đối với các tài sản của Công ty được trình bày trong Thuyết minh 3(d).

#### **(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ tài chính ban hành như sau:

| <i>Thời gian quá hạn</i>                   | <i>Mức trích dự phòng</i> |
|--------------------------------------------|---------------------------|
| Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm | 30%                       |
| Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm        | 50%                       |
| Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm         | 70%                       |
| Trên ba (3) năm                            | 100%                      |

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Chứng khoán mua theo các hợp đồng để bán lại (hợp đồng mua và bán lại chứng khoán cho cùng một đối tượng) không được ghi nhận là các khoản mua chứng khoán mà là các khoản phải thu và được phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo giá trị phân bổ. Tiền lãi thu từ các hợp đồng này được ghi nhận vào thu nhập tiền lãi dựa theo kỳ hạn của mỗi hợp đồng trên cơ sở dồn tích.

#### **(g) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Thiết bị văn phòng 4 - 5 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các công cụ và dụng cụ được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(j) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**(m) Quỹ dự trữ pháp định**

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài Chính ban hành, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

|                                | <b>Tỷ lệ trích lập hàng năm</b> | <b>Số dư tối đa</b> |
|--------------------------------|---------------------------------|---------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% lợi nhuận sau thuế           | 100% vốn góp        |
| Quỹ dự phòng tài chính         | 5% lợi nhuận sau thuế           | 10% vốn góp         |

Mục đích của quỹ dự phòng tài chính là nhằm bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Quỹ dự phòng này cũng như quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được luật pháp quy định và không được phép phân phối.

**(n) Doanh thu**

**(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

**(ii) Doanh thu hoạt động giao dịch chứng khoán**

Doanh thu hoạt động giao dịch chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán đối với các chứng khoán đã niêm yết và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất đối với các chứng khoán chưa niêm yết.

**(iii) Doanh thu dịch vụ tư vấn**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

**(iv) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**(v) Thu nhập cổ tức**

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

**(o) Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có những ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính hoặc hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung, hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****(p) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

**(q) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                                           | <b>31/12/2012</b><br><b>VND'000</b> | <b>31/12/2011</b><br><b>VND'000</b> |
|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Tiền mặt tại quỹ                                          | 11.491                              | 23.259                              |
| Tiền gửi ngân hàng                                        | 86.254.506                          | 34.861.111                          |
| Các khoản tương đương tiền (i)                            | 91.000.000                          | 85.000.000                          |
|                                                           | <hr/>                               | <hr/>                               |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                 | <b>177.265.997</b>                  | <b>119.884.370</b>                  |
|                                                           | <hr/>                               | <hr/>                               |
| <i>Trong đó:</i>                                          |                                     |                                     |
| <i>Tiền và tương tiền của Công ty</i>                     | <i>170.065.977</i>                  | <i>119.488.420</i>                  |
| <i>Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán</i> | <i>7.200.020</i>                    | <i>395.950</i>                      |
| <i>(Thuyết minh số 13)</i>                                |                                     |                                     |
|                                                           | <hr/>                               | <hr/>                               |
|                                                           | <b>177.265.997</b>                  | <b>119.884.370</b>                  |
|                                                           | <hr/>                               | <hr/>                               |

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có gốc tiền tệ bằng VND.

- (i) Các khoản tương đương tiền này là tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam.

## 5. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

|                                   | Khối lượng<br>giao dịch<br>thực hiện<br>trong năm | Giá trị<br>khối lượng giao<br>dịch thực hiện<br>trong năm<br>(VND'000) |
|-----------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| <b>Của Công ty</b>                |                                                   |                                                                        |
| ▪ Cổ phiếu                        | 36.300                                            | -                                                                      |
| <b>Của Nhà đầu tư/ Khách hàng</b> |                                                   |                                                                        |
| ▪ Cổ phiếu                        | 14.302.280                                        | 133.834.157                                                            |
|                                   | <b>14.338.580</b>                                 | <b>133.834.157</b>                                                     |

## 6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

|                                   | 2012<br>VND'000   | 2011<br>VND'000   |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Chứng khoán kinh doanh            | 83.334.498        | 118.561.224       |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | (16.910.450)      | (42.343.148)      |
|                                   | <b>66.424.048</b> | <b>76.218.076</b> |

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn do Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 1 tháng 1 năm 2012 như sau:

| Chỉ tiêu                               | Số lượng   |           | Giá trị theo sổ kế toán |             | Tăng       |          | So với giá thị trường (Giảm) |              | Tổng giá trị theo giá thị trường |            |
|----------------------------------------|------------|-----------|-------------------------|-------------|------------|----------|------------------------------|--------------|----------------------------------|------------|
|                                        | 31/12/2012 | 1/1/2012  | 31/12/2012              | 1/1/2012    | 31/12/2012 | 1/1/2012 | 31/12/2012                   | 1/1/2012     | 31/12/2012                       | 1/1/2012   |
|                                        |            |           | VND'000                 | VND'000     | VND'000    | VND'000  | VND'000                      | VND'000      | VND'000                          | VND'000    |
| Chứng khoán kinh doanh                 | 3.798.918  | 4.576.398 | 83.334.498              | 118.561.224 | 762.300    | -        | (17.672.750)                 | (42.343.148) | 66.424.048                       | 76.218.076 |
| Nắm bởi chính Công ty                  |            |           |                         |             |            |          |                              |              |                                  |            |
| Chứng khoán niêm yết                   | 36.300     | 658.163   | -                       | 16.717.832  | 762.300    | -        | -                            | (5.760.189)  | 762.300                          | 10.957.643 |
| ACB                                    | -          | 139.440   | -                       | 4.547.660   | -          | -        | -                            | (1.535.756)  | -                                | 3.011.904  |
| HPG                                    | 36.300     | 165.000   | -                       | 6.150.000   | 762.300    | -        | -                            | (3.262.500)  | 762.300                          | 2.887.500  |
| EIB                                    | -          | 353.723   | -                       | 6.020.172   | -          | -        | -                            | (961.933)    | -                                | 5.058.239  |
| Nắm bởi Công ty Quản lý quỹ            |            |           |                         |             |            |          |                              |              |                                  |            |
| Ký thương theo hợp đồng ủy thác đầu tư |            |           |                         |             |            |          |                              |              |                                  |            |
| Chứng khoán niêm yết                   | 3.672.618  | 3.918.235 | 83.334.498              | 101.843.392 | -          | -        | (17.672.750)                 | (36.582.959) | 65.661.748                       | 65.260.433 |
| ACB                                    | 139.460    | 20        | 4.548.279               | 619         | -          | -        | (2.275.081)                  | (187)        | 2.273.198                        | 432        |
| HPG                                    | 548.220    | 1.197.000 | 16.797.105              | 45.873.831  | -          | -        | (5.284.485)                  | (24.926.331) | 11.512.620                       | 20.947.500 |
| EIB                                    | 1.575.203  | 1.221.480 | 26.149.327              | 20.129.155  | -          | -        | (1.418.641)                  | (2.661.992)  | 24.730.686                       | 17.467.163 |
| FPT                                    | 3          | 3         | 173                     | 173         | -          | -        | (67)                         | (24)         | 106                              | 149        |
| GMD                                    | 1.499.730  | 1.499.730 | 35.839.589              | 35.839.589  | -          | -        | (8.694.476)                  | (8.994.422)  | 27.145.113                       | 26.845.167 |
| MBB                                    | 2          | 2         | 25                      | 25          | -          | -        | -                            | (3)          | 25                               | 22         |

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại trong kỳ như sau:

|                                    | <b>2012</b><br><b>VND'000</b> | <b>2011</b><br><b>VND'000</b> |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Số dư đầu kỳ                       | 42.343.148                    | 22.302.173                    |
| (Hoàn nhập)/tăng dự phòng trong kỳ | (13.888.642)                  | 36.083.802                    |
| (Thuyết minh 19)                   | (11.544.056)                  | (16.042.827)                  |
| Sử dụng quỹ dự phòng               |                               |                               |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               | <b>16.910.450</b>             | <b>42.343.148</b>             |

**7. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán**

|                              | <b>31/12/2012</b><br><b>VND'000</b> | <b>31/12/2011</b><br><b>VND'000</b> |
|------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Ứng trước cho nhà đầu tư (i) | 24.881                              | 98.491                              |
| Phải thu khác                | 5.450                               | 563                                 |
|                              | <b>30.331</b>                       | <b>99.054</b>                       |

- (i) Đây là khoản ứng trước cho những khách hàng đã bán chứng khoán và muốn nhận tiền trước thay vì ngày T+3.

**8. Các khoản phải thu khác**

|                                                     | <b>31/12/2012</b><br><b>VND'000</b> | <b>31/12/2011</b><br><b>VND'000</b> |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Phải thu tiền lãi                                   | 1.136.250                           | 2.599.047                           |
| Phải thu từ hợp đồng mua và bán lại chứng khoán (i) | -                                   | 119.348.889                         |
| Phải thu khác (i)                                   | 171.163.523                         | 3.953.396                           |
|                                                     | <b>172.299.773</b>                  | <b>125.901.332</b>                  |

- (i) Phải thu khác bao gồm khoản phải thu từ hợp đồng mua bán chứng khoán có điều kiện trị giá 23.000 triệu đồng liên quan đến việc mua cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Du lịch Thiên Minh ("Thiên Minh"). Theo hợp đồng này, việc mua cổ phiếu phụ thuộc vào việc Thiên Minh có đạt được mức lãi trên cổ phiếu mục tiêu, được quy định trong hợp đồng mua bán, trong vòng một năm hay không.

Phần còn lại của khoản phải thu khác là khoản phải thu từ hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương có giá trị 145.000 triệu đồng (Thuyết minh 3(e) và bảng dưới đây về các khoản ủy thác đầu tư này) và các khoản phải thu khác trị giá 3.164 triệu đồng.

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Theo hợp đồng ủy thác đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương được toàn quyền sử dụng số tiền ủy thác để đầu tư vào cổ phần của các công ty, định chế tài chính có uy tín trên thị trường hoặc cổ phần của các công ty, các dự án có tiềm năng tăng trưởng tốt, đảm bảo khả năng sinh lời tối đa và hạn chế rủi ro đối với vốn ủy thác. Khoản ủy thác này đã được Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương dùng để thực hiện các hợp đồng mua cổ phiếu chưa niêm yết của các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, do việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán trên cho Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương chưa được hoàn tất, nên Công ty đã ghi nhận khoản ủy thác đầu tư này là một khoản phải thu.

|     | <b>Số lượng</b>   | <b>Giá trị<br/>VND'000</b> |
|-----|-------------------|----------------------------|
| MSB | 6.635.000         | 55.000.0000                |
| VPB | 9.000.000         | 90.000.0000                |
|     | <b>15.635.000</b> | <b>145.000.000</b>         |

**9. Tài sản cố định hữu hình**

|                            | <b>2012<br/>Thiết bị<br/>văn phòng<br/>VND'000</b> | <b>2011<br/>Thiết bị<br/>văn phòng<br/>VND'000</b> |
|----------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>          |                                                    |                                                    |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1   | 2.265.453                                          | 2.185.138                                          |
| Tăng trong năm             | 16.864                                             | 80.315                                             |
|                            | <b>2.282.317</b>                                   | <b>2.265.453</b>                                   |
| <b>Hao mòn lũy kế</b>      |                                                    |                                                    |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1   | 798.841                                            | 390.539                                            |
| Khấu hao trong năm         | 424.912                                            | 408.302                                            |
|                            | <b>1.223.753</b>                                   | <b>798.841</b>                                     |
| <b>Giá trị còn lại</b>     |                                                    |                                                    |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1   | 1.466.612                                          | 1.794.599                                          |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 | 1.058.564                                          | 1.466.612                                          |

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định vô hình**

|                            | <b>2012</b><br><b>Phần mềm</b><br><b>máy tính</b><br><b>VND'000</b> | <b>2011</b><br><b>Phần mềm</b><br><b>máy tính</b><br><b>VND'000</b> |
|----------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| <b>Nguyên giá</b>          |                                                                     |                                                                     |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1   | 1.340.860                                                           | 1.340.860                                                           |
| Tăng trong năm             | -                                                                   | -                                                                   |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 | 1.340.860                                                           | 1.340.860                                                           |
| <b>Hao mòn lũy kế</b>      |                                                                     |                                                                     |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1   | 410.583                                                             | 136.523                                                             |
| Khấu hao trong năm         | 274.060                                                             | 274.060                                                             |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 | 684.643                                                             | 410.583                                                             |
| <b>Giá trị còn lại</b>     |                                                                     |                                                                     |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1   | 930.277                                                             | 1.204.337                                                           |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 | 656.217                                                             | 930.277                                                             |

**11. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo các Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

|                | <b>2012</b><br><b>VND'000</b> | <b>2011</b><br><b>VND'000</b> |
|----------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Số dư đầu năm  | 139.213                       | 124.442                       |
| Tăng trong năm | -                             | 14.771                        |
| Số dư cuối năm | 139.213                       | 139.213                       |

## 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                            | 31/12/2012<br>VND'000 | 31/12/2011<br>VND'000 |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thuế thu nhập cá nhân      | 33.175                | 54.994                |
| Thuế giá trị gia tăng      | -                     | 233.298               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.173.245             | -                     |
|                            | <b>6.206.420</b>      | <b>288.292</b>        |

Biến động nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

|                                | Giá trị chuyển<br>từ năm trước<br>VND'000 | Giá trị<br>tăng thêm<br>VND'000 | 2012<br>Giá trị<br>đã trả<br>VND'000 | Gia trị chuyển<br>sang năm sau<br>VND'000 |
|--------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------|
| Thuế thu nhập cá nhân          | 54.994                                    | 156.244                         | (178.063)                            | 33.175                                    |
| Thuế giá trị gia tăng          | 233.298                                   | 7.611.673                       | (7.844.971)                          | -                                         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (i) | (176.836)                                 | 24.878.596                      | (18.528.515)                         | 6.173.245                                 |
|                                | <b>111.456</b>                            | <b>32.646.513</b>               | <b>(26.551.549)</b>                  | <b>6.206.420</b>                          |

- (i) Số dư đầu kỳ của thuế thu nhập doanh nghiệp trên số tiền thanh toán được ghi nhận vào tài sản khác.

## 13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

|                                                              | 31/12/2011<br>VND'000 | 31/12/2010<br>VND'000 |
|--------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (i) | 7.200.020             | 395.950               |
|                                                              | <b>7.200.020</b>      | <b>395.950</b>        |

- (i) Các khoản này liên quan đến các tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng mở tại Công ty (Thuyết minh số 3(c) và Thuyết minh số 4).

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**14. Phải trả khác**

|                                                      | <b>31/12/2012</b><br><b>VND'000</b> | <b>31/12/2011</b><br><b>VND'000</b> |
|------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Phí quản lý phải trả cho các hợp đồng ủy thác đầu tư | 65.856                              | 36.706                              |
| Phải trả khác                                        | 210.838                             | -                                   |
|                                                      | <b>276.694</b>                      | <b>36.706</b>                       |

**15. Vốn góp**

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là 300 tỷ đồng.

Công ty được sở hữu 100% bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**16. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán**

|                                     | <b>2012</b><br><b>VND'000</b> | <b>2011</b><br><b>VND'000</b> |
|-------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán | -                             | 2.403.172                     |
| Thu nhập cổ tức                     | 5.717.112                     | 1.820.720                     |
|                                     | <b>5.717.112</b>              | <b>4.223.892</b>              |

**17. Doanh thu hoạt động tư vấn**

|                                       | <b>2012</b><br><b>VND'000</b> | <b>2011</b><br><b>VND'000</b> |
|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu từ dịch vụ tư vấn đầu tư    | 928.000                       | -                             |
| Doanh thu từ dịch vụ tư vấn tài chính | 3.048.600                     | 12.508.659                    |
| Doanh thu từ dịch vụ tư vấn khác (i)  | 75.000.000                    | -                             |
|                                       | <b>78.976.600</b>             | <b>12.508.659</b>             |

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

- (i) Đây là khoản phí tư vấn Công ty nhận được theo Hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu, được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch. Các hợp đồng này đã được hoàn thành trong năm, và Công ty đã nhận được toàn bộ số phí phát sinh (mức phí bằng 1,5% giá trị gốc của 5.000 tỷ VND trái phiếu được phát hành).

| Khách hàng                                             | Mệnh giá<br>VND'000 | Phí<br>VND'000 |
|--------------------------------------------------------|---------------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Đồng          | 2.000.000.000       | 30.000.000     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Royal City | 1.000.000.000       | 15.000.000     |
| Công ty TNHH Bất Động Sản Phú Gia                      | 1.000.000.000       | 15.000.000     |
| Công ty Cổ phần Đông Phú Hưng – Bình Thuận             | 1.000.000.000       | 15.000.000     |
|                                                        | 5.000.000.000       | 75.000.000     |

**18. Doanh thu khác**

|                                            | 2012<br>VND'000 | 2011<br>VND'000 |
|--------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Lãi tiền gửi                               | 16.848.653      | 24.208.779      |
| Lãi từ hợp đồng mua và bán lại chứng khoán | 17.237.833      | 1.348.889       |
| Thu nhập khác                              | 126.401         | 135.125         |
|                                            | 34.212.887      | 25.692.793      |

**19. Chi phí hoạt động kinh doanh**

|                                                          | 2012<br>VND'000 | 2011<br>VND'000<br>(Phân loại lại) |
|----------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------|
| Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán                       | 15.000.000      | 7.723.504                          |
| Chi phí lãi                                              | 4.917.744       | -                                  |
| Phí quản lý phải trả cho các hợp đồng ủy thác đầu tư (i) | 476.256         | 576.236                            |
| Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu                        | 345.000         | -                                  |
| Chi phí khấu hao                                         | 274.060         | 274.060                            |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn                        | (13.888.642)    | 36.083.802                         |
| Chi phí khác                                             | 1.068.132       | 1.203.581                          |
|                                                          | 8.192.550       | 45.861.183                         |

- (i) Khoản này phản ánh khoản phí quản lý danh mục đầu tư phải trả cho Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương theo các hợp đồng ủy thác đầu tư (Thuyết minh 3(e)), được tính theo tỉ lệ 0,2% - 0,5% giá trị tài sản ròng (NAV) của danh mục đầu tư.

## 20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                             | 2012<br>VND'000  | 2011<br>VND'000  |
|---------------------------------------------|------------------|------------------|
| Chi phí nhân viên                           | 2.708.629        | 2.999.667        |
| Chi phí thuê văn phòng                      | 1.954.098        | 2.154.880        |
| Chi phí nguyên vật liệu, công vụ và dụng cụ | 155.994          | 219.430          |
| Chi phí khấu hao                            | 424.912          | 408.302          |
| Chi phí khác                                | 861.838          | 845.817          |
|                                             | <b>6.105.472</b> | <b>6.628.096</b> |

## 21. Thuế thu nhập

### (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

|                               | 2012<br>VND'000 | 2011<br>VND'000 |
|-------------------------------|-----------------|-----------------|
| <b>Chi phí thuế hiện hành</b> |                 |                 |
| Năm hiện tại                  | 24.878.596      | 315.963         |

### (b) Đối chiếu thuế suất thực tế

|                                 | 2012<br>VND'000   | 2011<br>VND'000 |
|---------------------------------|-------------------|-----------------|
| Lợi nhuận trước thuế            | 105.231.497       | 21.756.127      |
| Thuế theo thuế suất của Công ty | 26.307.874        | 5.439.032       |
| Thu nhập không chịu thuế        | (1.429.278)       | (455.180)       |
| Sử dụng lỗ năm trước            | -                 | (4.667.889)     |
|                                 | <b>24.878.596</b> | <b>315.963</b>  |

### (c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**22. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

|                                                                                         | Giá trị giao dịch |            | Số dư tại ngày 31 tháng 12 |             |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|----------------------------|-------------|
|                                                                                         | 2012              | 2011       | 2012                       | 2011        |
|                                                                                         | VND'000           | VND'000    | VND'000                    | VND'000     |
| <b>Ngân hàng Thương mại</b>                                                             |                   |            |                            |             |
| <b>Cổ phần Kỹ thương Việt Nam</b>                                                       |                   |            |                            |             |
| Tiền gửi                                                                                | -                 | -          | 176.853.128                | 119.605.854 |
| Lãi phải thu từ tiền gửi                                                                | -                 | -          | 1.136.250                  | 2.599.047   |
| Tiền gửi giao dịch chứng khoán                                                          | -                 | -          | (79.691)                   | (4.163.793) |
| Thu nhập lãi từ tiền gửi                                                                | 11.249.549        | 23.116.503 | -                          | -           |
| Chi phí tiền lãi                                                                        | (4.917.744)       | -          | -                          | -           |
| Chi phí bảo lãnh phát hành chứng khoán                                                  | (345.000)         | -          | -                          | -           |
| <b>Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam</b> |                   |            |                            |             |
| Hợp đồng ủy thác đầu tư                                                                 | -                 | -          | 228.334.498                | 101.843.392 |
| Phải thu khác                                                                           | -                 | -          | 3.163.523                  | 3.953.396   |
| Phí quản lý quỹ                                                                         | (476.256)         | (576.236)  | -                          | -           |

## 23. Quản lý rủi ro

Phần thuyết minh này trình bày chi tiết về mức độ rủi ro tài chính của Công ty và các phương pháp được Ban Giám đốc sử dụng để quản lý các rủi ro này. Rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Công ty gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

### (a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc đối tác của một công cụ tài chính không thực hiện đúng các nghĩa vụ ghi trên hợp đồng. Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản thế chấp. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng độ tin cậy của khách hàng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác.

#### (i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

|                                                  |       | 2012<br>VND'000    | 2011<br>VND'000    |
|--------------------------------------------------|-------|--------------------|--------------------|
| Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền | (ii)  | 177.254.506        | 119.861.111        |
| Phải thu                                         | (iii) | 172.330.192        | 126.009.386        |
| Tài sản ngắn hạn khác                            |       | 63.666             | 65.766             |
| Tài sản dài hạn khác                             |       | 648.002            | 648.002            |
|                                                  |       | <b>350.296.366</b> | <b>246.584.265</b> |

#### (ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

#### (iii) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng thương mại và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Không có khoản phải thu nào tính đến ngày 30 tháng 12 năm 2012 quá hạn (31/12/2011: không).

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Kỳ hạn hợp đồng của các khoản nợ tài chính phi phái sinh như sau:

|                                              | <b>Giá trị ghi<br/>số<br/>VND'000</b> | <b>Dòng tiền<br/>theo hợp<br/>đồng<br/>VND'000</b> | <b>Dưới 1<br/>năm<br/>VND'000</b> | <b>Từ 1 đến<br/>5 năm<br/>VND'000</b> | <b>Tổng<br/>VND'000</b> |
|----------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|-------------------------|
| <b>Ngày 30 tháng 12 năm 2012</b>             |                                       |                                                    |                                   |                                       |                         |
| Ứng trước từ khách hàng                      | 290.555                               | 290.555                                            | 290.555                           | -                                     | 290.555                 |
| Phải trả hoạt động kinh doanh<br>chứng khoán | 7.200.020                             | 7.200.020                                          | 7.200.020                         | -                                     | 7.200.020               |
| Các khoản phải trả khác                      | 276.694                               | 276.694                                            | 276.694                           | -                                     | 276.694                 |
|                                              | <b>7.767.269</b>                      | <b>7.767.269</b>                                   | <b>7.767.269</b>                  | <b>-</b>                              | <b>7.767.269</b>        |

|                                              | <b>Giá trị ghi<br/>số<br/>VND'000</b> | <b>Dòng tiền<br/>theo hợp<br/>đồng<br/>VND'000</b> | <b>Dưới 1<br/>năm<br/>VND'000</b> | <b>Từ 1 đến<br/>5 năm<br/>VND'000</b> | <b>Tổng<br/>VND'000</b> |
|----------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|-------------------------|
| <b>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>             |                                       |                                                    |                                   |                                       |                         |
| Phải trả nhà cung cấp                        | 1.348                                 | 1.348                                              | 1.348                             | -                                     | 1.348                   |
| Ứng trước từ khách hàng                      | 666.117                               | 666.117                                            | 666.117                           | -                                     | 666.117                 |
| Phải trả hoạt động kinh doanh<br>chứng khoán | 395.950                               | 395.950                                            | 395.950                           | -                                     | 395.950                 |
| Các khoản phải trả khác                      | 36.706                                | 36.706                                             | 36.706                            | -                                     | 36.706                  |
|                                              | <b>1.100.121</b>                      | <b>1.100.121</b>                                   | <b>1.100.121</b>                  | <b>-</b>                              | <b>1.100.121</b>        |

**(c) Rủi ro thị trường****(i) Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không có rủi ro tiền tệ giữa ngoại tệ và đồng Việt Nam.

**Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khả năng Công ty đối mặt với rủi ro thị trường do sự thay đổi trong lãi suất thị trường thấp vì tất cả các khoản mục tài sản và nợ có phát sinh lãi đều là khoản mục ngắn hạn.

Chi tiết lãi suất của các công cụ tài chính có phát sinh lãi của Công ty như sau:

|                                             | 31/12/2012<br>VND'000 | 31/12/2011<br>VND'000 |
|---------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Công cụ có lãi suất cố định</b>          |                       |                       |
| <b>Tài sản tài chính – lãi suất cố định</b> |                       |                       |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   |                       |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền          | 177.254.506           | 119.861.111           |
| <b>Phải thu khác</b>                        |                       |                       |
| Phải thu khác                               | 23.000.000            | -                     |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                 |                       |                       |
| Tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán              | 139.213               | 139.213               |
|                                             | <b>200.393.719</b>    | <b>120.000.324</b>    |

**Phải trả tài chính – lãi suất cố định****Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

|                                                          |           |         |
|----------------------------------------------------------|-----------|---------|
| Tiền gửi hoạt động thanh toán chứng khoán của nhà đầu tư | 7.200.020 | 395.950 |
|----------------------------------------------------------|-----------|---------|

Công ty không phân tích biến động của lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 vì các công cụ tài chính có phát sinh lãi đều có lãi suất cố định.

**(iii) Rủi ro về giá chứng khoán vốn**

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 66.424 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 76.218 triệu đồng). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 20% tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong kỳ/năm của Công ty sẽ giảm hoặc tăng tương ứng 9.964 triệu đồng (31/12/2011: 11.433 triệu đồng).

## 24. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán được định giá xấp xỉ bằng giá trị sổ sách của các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do thời gian đáo hạn ngắn.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty:

|                                           | 31/12/2012                |                           | 31/12/2011                |                           |
|-------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
|                                           | Giá trị ghi sổ<br>VND'000 | Giá trị hợp lý<br>VND'000 | Giá trị ghi sổ<br>VND'000 | Giá trị hợp lý<br>VND'000 |
| <b>Tài sản tài chính</b>                  |                           |                           |                           |                           |
| Tiền và các khoản tương đương tiền        | 177.265.997               | 177.265.997               | 119.884.370               | 119.884.370               |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn       | 66.424.048                | 66.424.048                | 76.218.076                | 76.218.076                |
| Các khoản phải thu                        | 172.330.192               | *                         | 126.009.386               | *                         |
| Tài sản ngắn hạn khác                     | 230.320                   | *                         | 251.592                   | *                         |
| Tài sản tài chính dài hạn khác            | 790.128                   | *                         | 932.547                   | *                         |
|                                           | <b>417.040.685</b>        |                           | <b>323.295.971</b>        |                           |
| <b>Nợ phải trả tài chính</b>              |                           |                           |                           |                           |
| Phải trả người cung cấp                   | -                         | *                         | (1.348)                   | *                         |
| Ứng trước từ khách hàng                   | (290.555)                 | *                         | (666.117)                 | *                         |
| Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán | (7.200.020)               | (7.200.020)               | (395.950)                 | (395.950)                 |
| Phải trả khác                             | (276.694)                 | *                         | (36.706)                  | *                         |
|                                           | <b>(7.767.269)</b>        |                           | <b>(1.100.121)</b>        |                           |

\* Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản mục này do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

## 25. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

|                            | 31/12/2012<br>VND | 31/12/2011<br>VND |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Trong vòng một năm         | 2.125.706         | 2.125.706         |
| Trong vòng hai đến năm năm | -                 | 2.125.706         |
|                            | <b>2.125.706</b>  | <b>4.251.412</b>  |

## 26. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày năm hiện thời như sau:

|                                                                                  | 2011<br>VND'000<br>(theo báo cáo<br>trước đây) | 2011<br>VND'000<br>(Điều chỉnh) | 2011<br>VND'000<br>(Phân loại lại) |
|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|
| <b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</b>                                     |                                                |                                 |                                    |
| Chi phí lãi                                                                      | 111.373                                        | (111.373)                       | -                                  |
| Chi phí khác                                                                     | 1.092.208                                      | 111.373                         | 1.203.581                          |
| <b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:</b>                                               |                                                |                                 |                                    |
| Chi phí tiền lãi                                                                 | 111.373                                        | (111.373)                       | -                                  |
| Biến động chứng khoán thương mại, các<br>khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác | (17.820.896)                                   | 98.491                          | (17.722.405)                       |
| Biến động các khoản phải trả và nợ khác                                          | (5.831.431)                                    | (33.269.202)                    | (39.100.633)                       |
| Tiền lãi đã trả                                                                  | (111.373)                                      | 111.373                         | -                                  |
| Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và<br>ứng trước                        | (2.524.961)                                    | 2.524.961                       | -                                  |
| Thu từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và<br>vay ngắn hạn                           | 2.623.452                                      | (2.623.452)                     | -                                  |
| Tiền và các khoản tương đương tiền<br>đầu năm                                    | 122.753.333                                    | 33.665.152                      | 156.418.485                        |

## 27. Sửa đổi và phát hành lại báo cáo tài chính

Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 vào ngày 26 tháng 3 năm 2013. Sau khi phát hành báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty quyết định sửa đổi Thuyết minh số 8 trên báo cáo tài chính đã được phát hành nhằm giải thích rõ ràng hơn thông tin được trình bày liên quan đến các khoản phải thu khác. So sánh chi tiết thuyết minh được trình bày trong hai báo cáo tài chính, trước và sau khi sửa đổi, được thể hiện trong bảng dưới đây:

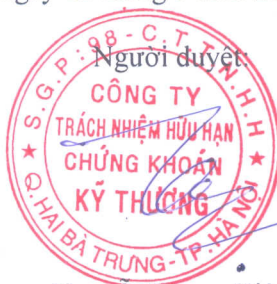
| Nội dung                                   | Thông tin được trình bày trong Thuyết minh số 8 của báo cáo tài chính phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2013                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Thông tin sửa đổi được trình bày trong Thuyết minh số 8 của báo cáo tài chính này                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thuyết minh số 8 “Các khoản phải thu khác” | <p>Phải thu khác cũng bao gồm khoản phải thu theo hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương và lãi phải thu với tổng giá trị 148.164 triệu đồng (Thuyết minh 3(e) và bảng dưới đây về các khoản ủy thác đầu tư này).</p> <p>Theo hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương, khoản ủy thác này dùng để tạm ứng cho các cá nhân, được bảo đảm bằng cổ phiếu chưa niêm yết của các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước.</p> | <p>Phần còn lại của khoản phải thu khác là khoản phải thu từ hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương có giá trị 145.000 triệu đồng (Thuyết minh 3(e) và bảng dưới đây về các khoản ủy thác đầu tư này) và các khoản phải thu khác trị giá 3.164 triệu đồng.</p> <p>Theo hợp đồng ủy thác đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương được toàn quyền sử dụng số tiền ủy thác để đầu tư vào cổ phần của các công ty, định chế tài chính có uy tín trên thị trường hoặc cổ phần của các công ty, các dự án có tiềm năng tăng trưởng tốt, đảm bảo khả năng sinh lời tối đa và hạn chế rủi ro đối với vốn ủy thác. Khoản ủy thác này đã được Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương dùng để thực hiện các hợp đồng mua cổ phiếu chưa niêm yết của các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, do việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán trên cho Công ty Quản lý Quỹ Kỹ thương chưa được hoàn tất, nên Công ty đã ghi nhận khoản ủy thác đầu tư này là một khoản phải thu.</p> |

Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định phê duyệt việc sửa đổi và phát hành lại báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 vào ngày 10 tháng 5 năm 2013.

Người lập:



Phạm Thị Vân  
Kế toán



Nguyễn Trung Kiên  
Giám đốc

